**VẮT CỔ CHÀY RA NƯỚC; MAY KHÔNG ĐI GIÀY**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *Vắt cổ chày ra nước; May không đi giày:*

+ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

+ Nêu được nội dung bao quát của văn bản: nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

+ Nêu được những thay đổi, suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**2*.* Phẩm chất:** Nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

  - Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

  - Thiết kế bài giảng điện tử.

  - Phương tiện và học liệu:

    + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

    + Học liệu: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

    + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc.

**2. Học sinh**

- Đọc tài liệu có liên quan đến truyện cười.

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

1. **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

nhienthcs1981@gmail.com Nguyễn thị hồng nhiên-0919406794-thcs Nguyễn thế Bảo, Phú Hòa, phú yên.

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi học tập để kích hoạt một số kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Trò chơi ***Đoán ý đồng đội***

**\* GV phổ biến luật chơi:**

* GV mời 2 cặp đôi lên bảng. Mỗi cặp là một đội.
* GV có 2 nhóm từ khoá. GV cho HS bốc thăm để chọn nhóm từ khoá của đội mình.
* Sau khi chọn được nhóm từ khoá. Mỗi nhóm có 2p thể hiện phần thi: Từ khoá sẽ hiện trên bảng (nhóm từ khoá mà nhóm đã tự bốc thăm), một bạn dùng ngôn ngữ, cử chỉ, hành động để diễn tả từ khoá, nguyên tắc là không được nhắc đến các tiếng xuất hiện trong từ khoá. Bạn còn lại quay lưng vào bảng, đoán từ khoá qua diễn tả của bạn. Hai đội chơi lần lượt. Đội nào đoán được nhiều từ khoá hơn sẽ chiến thắng. Lưu ý: Nếu bạn diễn tả nhắc đến một tiếng trong từ khoá là phạm luật và từ khoá đó không được tính.

**\*Nhóm từ khoá tham khảo:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm từ khoá 1** | **Nhóm từ khoá 2** |
| * **Truyện dân gian** * **Tiếng cười** * **Keo kiệt** * **Cái chày** * **Chủ nhà** | * **Hài hước** * **Thói hư tật xấu** * **Đôi giày** * **Hà tiện** * **Đầy tớ** |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào truyện cười, xâu chuỗi từ khoá, dẫn vào bài.

**🡺GV dẫn vào bài:**

*Các từ khóa xuất hiện trong các trò chơi mà chúng ta vừa tham gia có liên quan đến thể loại và các văn bản mà chúng ta sẽ học trong bài học 4. Trong bài học này, thông qua việc đọc các văn bản truyện cười, chúng ta sẽ hiểu thêm về những sắc thái của tiếng cười trong cuộc sống. Cụ thể, qua văn bản 1, 2 chúng ta sẽ hiểu sắc thái của tiếng cười để phê phán những hiện tượng chưa hay, chưa tốt. Để khám phá những điều thú vị này, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay. Bài 4 – “Sắc thái của tiếng cười; Văn bản 1, 2: “Vắt cổ chày ra nước”; “May không đi giày”*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn và trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu chung về văn bản “*Vắt cổ chày ra nước”* và *“May không đi giày”***  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HĐ cá nhân**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc kĩ từng phần của văn bản:  đọc to, rõ ràng, chú ý các chỉ dẫn trong box bên tuyến phải trang sách – chủ yếu kĩ năng suy luận.  - Đọc và giải thích từ khó.  - Xác định phương thức biểu đạt.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB – Giải thích một vài chú thích SGK.  - HS xác định phương thức biểu đạt của VB  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 – 2 HS đọc VB, chú thích, trình bày câu trả lời về phương thức biểu đạt  - HS khác nghe, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS. | **II. Trải nghiệm cùng văn bản “*Vắt cổ chày ra nước*”, *“May không đi giày”***  **1. Đọc – kể**  GV yêu cầu HS đọc văn bản:  + Giọng đọc: đọc to, rõ; phân biệt lời của các nhân vật.  + Chú ý đến những chi tiết tiêu biểu.  + Trong quá trình đọc, chú ý sử dụng kĩ năng suy luận (khi gặp câu hỏi trong khung cùng với VB, GV cho HS dừng đọc vài phút để tự suy nghĩ, trả lời rồi tiếp tục đọc).  **2. Giải thích từ khó (chú ý các từ chú thích dưới chân trang trong sgk)**  *- Cổ chày:* Phần eo lại ở giữa cái chày, dùng để cầm nắm khi giã.  *- Khố tải*: còn gọi là bao tải, bao dệt bằng sợi đay hay dứa gai, thường dùng để đựng lương thực.  *- Vận* (từ địa phương)*:* mặc  - *Ngốt*: cảm thấy ngột ngạt, bức bối, khó chịu vì nóng bức.  **3. Phương thức biểu đạt:** Tự sự |

**2.2. Suy ngẫm và phản hồi**

**\*Các phiếu học tập:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT 02: TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ CỦA TRUYỆN CƯỜI QUA VB 1, 2**  **Em hãy hoàn thành các yêu cầu trong bảng dưới đây:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các yếu tố/yêu cầu** | ***Vắt cổ chày ra nước*** | ***May không đi giày*** | | **Đề tài**  **(**Xác định đề tài của hai truyện. Theo em, nhan đề *Vắt cổ chày ra nước* và *May không đi giày* có thể hiện được nội dung của mỗi truyện không? Vì sao?) |  |  | | **Bối cảnh**  (Nhận xét về bối cảnh của hai truyện cười) |  |  | | **Nhân vật**  (Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười? Phân tích các sự kiện xoay quanh nhân vật làm rõ loại nhân vật đó) |  |  | | **Ngôn ngữ**  (+ Nhận xét về ngôn ngữ của VB 1, 2.  + Câu nói: *“Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!”* của nhân vật “người đầy tớ” trong truyện *Vắt cổ chày ra nước* thể hiện hàm ý gì?Và câu nói: “...*may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!”* của nhân vật “ông hà tiện” trong truyện *May không đi giày* có gì bất ngờ với người đọc?  => Hai câu nói nàycó vai trò như thế nào trong việc thể hiện nhan đề truyện? |  |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT 03: TÌM HIỂU THỦ PHÁP GÂY CƯỜI TRONG VB 1, 2**  **Yêu cầu: Em hãy chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau trong thủ pháp gây cười ở hai truyện *Vắt cổ chày ra nước* và *May không đi giày* bằng việc hoàn thành bảng dưới đây:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thủ pháp** | **Điểm giống nhau** | **Điểm khác nhau** | | | ***Vắt cổ chày ra nước*** | ***May không đi giày*** | | **1. Tạo tình huống trào phúng** |  |  |  | | **2. Sử dụng biện pháp tu từ** |  |  |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản  phẩm** |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **\*NV1: Tìm hiểu đề tài, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ của VB 1, 2**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:** Thảo luận theo 4 nhóm.  Hoàn thành PHT 02  **+ Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu đề tài và nhân vật (theo yêu cầu trong PHT)  **+ Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu bối cảnh và ngôn ngữ (theo yêu cầu trong PHT)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận, hoàn thành PHT  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chuẩn kiến thức.  **\*NV2: Tìm hiểu thủ pháp gây cười ở VB 1, 2**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ theo nhóm 2 bàn (kĩ thuật khăn trải bàn), thảo luận  Hoàn thành PHT 03  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  -GV gọi một số nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  - Nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung.  **\*NV3: Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả và suy ngẫm về cách sống của bản thân**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ cá nhân trả lời câu hỏi:  - Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả sau khi đọc hai văn bản?  - Em có suy nghĩ gì về cách sống của bản thân sau khi đọc hai VB truyện cười này?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  -GV gọi 1 – 2 HS trả lời  - HS khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **III. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Đặc điểm của thể loại truyện cười qua hai văn bản**  **a. Đề tài**  - Đề tài: Thói keo kiệt, hà tiện.  - Nhan đề *Vắt cổ chày ra nước* và *May không đi giày* có khả năng thâu tóm nội dung của mỗi VB: Nhan đề đều khái quát được sự keo kiệt, hà tiện của các nhân vật.  **b. Bối cảnh**  Không xác định: Không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ.  **c. Nhân vật**  - Nhân vật: Thuộc loại nhân vật thứ nhất, mang thói hư tật xấu phổ biến trong xã hội – thói hà tiện, keo kiệt.  - Cụ thể:  \* Nhân vật “ông chủ nhà”– đối tượng mà tiếng cười hướng đến trong truyện *Vắt cổ chày ra nước*:  ++ Sai người đầy tớ về quê có việc -> Khi người đầy tớ xin mấy đồng uống nước dọc đường => ông chủ trả lời: *“Thằng này ngốc, hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đấy mà uống,..” =>* keo kiệt,không muốn cho anh đày tớ tiền uống nước.  ++ Khi anh đầy tớ bảo trời hạn, ao ruộng cạn khô -> Ông chủ đưa cho người đầy tớ khố tải, vận vào người, khi khát vặn ra mà uống => sự keo kiệt ngày càng tăng.  ++ Đỉnh điểm sự keo kiệt của ông chủ nhà thể hiện qua hành động và câu nói đầy mỉa mai của anh đầy tớ: mượn ông chủ cái chày giã cua để “*vắt cổ chày cũng ra nước”.*   * Tất cả đều thể hiện tính ki bo, keo kiệt quá mức của ông chủ nhà đối với người đầy tớ.   \* Nhân vật “ông hà tiện” *-* đối tượng mà tiếng cười hướng đến trong truyện *May không đi giày:*  + Đi chân không đi chợ.  + Vấp phải hòn đá -> ngón chân chảy máu ròng ròng -> ông không phàn nàn gì mà còn bảo mình may.  + Đỉnh điểm là khi được hỏi lí do, ông ta trả lời: “*May là tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!*”  => Keo kiệt, hà tiện đến mức thà chịu đau đớn chứ không muốn giày bị hư hỏng, phải bỏ tiền mua đôi giày mới – keo kiệt với chính mình.  **d. Ngôn ngữ**  - Ngắn gọn, súc tích, hài hước và mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn. Điều này thể hiện qua các câu văn trần thuật, lời nói của các nhân vật trong VB. Đặc biệt được thể hiện trong các câu nói:  + Câu nói: “*Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!”* của “người đầy tớ” trong truyện *Vắt cổ chày ra nước:* Theo lẽ thông thường thì ai cũng biết, cái chày thì làm gì vắt được chứ đừng nói đến việc vắt ra nước. Vì thế, anh đầy tớ nói như vậy không phải là mượn chày để vắt nước uống mà thật ra là mang hàm ý chê cười, mỉa mai cái tính ki bo của ông chủ.  + Câu nói: “...*may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!”* của nhân vật “ông hà tiện” trong truyện *May không đi giày:* => lời giải thích gấy bất ngờ đối với người đọc vì trái với lẽ thường; đáng lẽ “ông hà tiện” phải thấy may vì mình không bị thương nặng hơn mà thấy may vì mình không đi giày nên đôi giày đó không bị hỏng, không cần mua mới  => Những câu nói này giúp khắc họa rõ nét các bức chân dung lạ đời của các nhân vật, khắc họa bản chất hà tiện, keo kiệt của các nhân vật và tạo ra tiếng cười cho câu chuyện.  **e. Thủ pháp gây cười**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thủ pháp** | **Điểm giống nhau** | **Điểm khác nhau** | | | ***Vắt cổ chày ra nước*** | ***May không đi giày*** | | **1. Tạo tình huống trào phúng** | Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật với nhau tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị,... | Tình huống người đầy tớ xin chủ nhà mấy đồng tiền để uống nước dọc đường với đoạn đối thoại giữa hai nhân vật đã khắc họa thói keo kiệt của người chủ nhà. | Tình huống ông hà tiện dù ngón chân bị chảy máu ròng ròng nhưng vẫn nói là may vì không bị rách mũi giày. | | **2. Sử dụng các biện pháp tu từ** | Biện pháp khoa trương phóng đại. | Câu nói của người đầy tớ (Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!). | Chân dung của ông hà tiện (được miêu tả qua lời kể của tác giả, lời thoại của nhân vật). |   **2. Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả và suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc hai văn bản**  **- Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả:** Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói keo kiệt, tính toán chi li với người khác hoặc với chính bản thân mình.  **- Suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc:** Nhận thức rõ cần phê phán thói keo kiệt. Con người cần biết phân biệt tiết kiệm và keo kiệt, cần linh hoạt điều chỉnh chi tiêu để giúp cuộc sống đầy đủ và chất lượng hơn, đồng thời cũng cần biết chia sẻ với người khác. |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản; nêu cách đọc văn bản truyện cười.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng. | **IV. Tổng kết**   1. **Nghệ thuật**   - Truyện tạo tình huống trào phúng.  - Sử dụng các biện pháp tu từ cùng lối nói chơi chữ tạo tiếng cười cho người đọc.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói keo kiệt, tính toán chi li với người khác hoặc với chính bản thân mình.  **3. Cách đọc hiểu văn bản truyện cười**  - Tìm hiểu đề tài, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.  - Chú ý đến những chi tiết gây cười.  - Tìm và phân tích những câu có nghĩa hàm ẩn hoặc sử dụng biện pháp tu từ nói quá, nói lái, chơi chữ,... |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi *“Món quà đêm trăng”***

**GV phổ biến luật chơi:** Trò chơi này gồm có 9 câu hỏi tương đương với 9 chiếc bánh hình tròn. Mỗi chiếc bánh là một câu hỏi ngẫu nhiên. Trả lời đúng bạn sẽ nhận được một phần quà. Trả lời sai sẽ không nhận được quà. Chúc bạn may mắn!

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định đề tài của hai truyện cười *Vắt cổ chày ra nước và May không đi giày.*

***Đáp án:*** Thói keo kiệt, hà tiện.

**Câu 2:** Xác định bối cảnh của hai truyện cười *Vắt cổ chày ra nước và may không đi giày.*

***Đáp án:*** Bối cảnh không xác định.

**Câu 3:** Đối tượng mà tiếng cười hướng đến trong VB *Vắt cổ chày ra nước* là nhân vật nào?

***Đáp án****:* Ông chủ nhà.

**Câu 4:** Điểm giống nhau về thủ pháp gây cười *Sử dụng các biện pháp tu từ* trong hai truyện cười vừa học xong là gì?

***Đáp án:*** Sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại.

**Câu 5:** Câu nói nào thể hiện đỉnh điểm gây cười trong truyện *Vắt cổ chày ra nước?*

***Đáp án:*** “Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!”

**Câu 6:** Câu nói nào thể hiện đỉnh điểm gây cười trong truyện *May không đi giày?*

***Đáp án:*** “...may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!”

**Câu 7:** Nhân vật trong hai truyện cười vừa học thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?

***Đáp án:*** Loại nhân vật thứ nhất – những con người mang thói xấu phổ biến trong xã hội là thói hà tiện, keo kiệt.

**Câu 8:** Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua hai truyện cười vừa học.

***Đáp án:*** Phê phán thói hư tật xấu keo kiệt, hà tiện của con người.

**Câu 9:** Tác giả của hai truyện cười vừa học là ai?

***Đáp án:*** Tác giả dân gian.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật động não.  Đề bài: *Viết một đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận tìm ý tại lớp theo kĩ thuật think-pair-share.  - Sau đó, về nhà viết đoạn văn và chia sẻ sản phẩm vào buổi học sau.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề dựa trên các tiêu chí trong **Rubric (Phụ lục)**  - GV nhận xét, kết luận. | \* Nội dung đoạn văn: Phân biệt tiết kiệm và keo kiệt.  HS có thể tham khảo ý kiến sau:  - Tiết kiệm là sử dụng một cách hợp lí, đúng mức tiền bạc, của cải, thời gian, sức lực của mình và của người khác. Tiết kiệm giúp chúng ta có một cuộc sống đầy đủ, chất lượng và góp phần làm giàu cho xã hội.  - Keo kiệt là hình thức tiết kiệm, tính toán chi li quá mức. Người keo kiệt thường không muốn bỏ ra chi tiêu bất cứ một thứ gì dù thứ đó phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của họ. Keo kiệt khiến cho chất lượng cuộc sống và chất lượng cuộc sống của chính họ không được đảm bảo. Keo kiệt gây nên tính ích kỉ, kìm hãm sự phát triển, gây ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội  - Dẫn chứng: Trong bữa ăn hàng ngày, người tiết kiệm sẽ tính toán, mua những loại thực phẩm đầy đủ chất dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm với số lượng vừa đủ, phù hợp cho các thành viên trong gia đình, không hoang phí. Người keo kiệt sẽ không mua những đồ ăn có chi phí cao hơn một chút như thịt, cá,...mà chỉ mua những loại thức ăn rẻ, không đủ chất dinh dưỡng, không đảm bảo an toàn thực phầm. Từ đó gây hại cho sức khỏe con người. |

**Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề*:*** phân biệt tiết kiệm và keo kiệt **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp.   ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày thuyết phục về vấn đề cần bàn luận.   (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, có dẫn chứng thuyết phục, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.   (9- 10 điểm) |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc lại đoạn văn của mình và hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện rõ thái độ, quan điểm của mình chưa? Các lí lẽ, dẫn chứng có thuyết phục người đọc theo quan điểm đó không?

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc các văn bản truyện cười khác.

- Chuẩn bị đọc hiểu VB2: *Khoe của; Con rắn vuông*